

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2023
“Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Hai;

2. Ông Đặng Thanh Cao;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 34A, ấp Tân L, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ liên hệ: Khu phố 4, phường A, thị xã Th, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 34A, ấp Tân L, xã Tân D, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Q có mặt, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu nhau, chị Q và anh S về chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 01/8/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 anh S bị tù giam vì tội cố ý gây thương tích. Năm

2014, chị Q đi làm việc tại tỉnh Bình Dương và thỉnh thoảng về thăm anh S trong trại giam. Năm 2017, anh S mãn hạn tù về sống tại xã Tân Dương, vợ chồng không còn quan hệ với nhau nữa nên anh S chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Q yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Nguyễn Văn S có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn S để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn S vẫn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn S theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị Q và anh Nguyễn Văn S về chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 01/8/2006 theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2017 đến nay, chị Q và anh S không còn quan hệ vợ chồng với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không gặp nhau hàn gắn lại tình cảm vợ

chồng. Chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Q yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Nguyễn Văn S về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Q, các thông báo và triệu tập để hòa giải, giải quyết vụ án nhưng anh S vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q, chứng tỏ anh S không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Q và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Q.

[2.3] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q xác định trong khoảng thời gian sống chung với anh Nguyễn Văn S thì vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Văn S không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí và tạm ứng án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Q chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010723 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (chị Q đã nộp xong án phí).

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/02/2023). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Tân Dương (số 58/2006);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng

